

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			5,6	2,5	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			5,7	2,4	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			5,7	2,4	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118116	Trương Chiến	DH14CK			6	2,6	8,6		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			5,9	2,4	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD			5,7	2,4	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			6	2,6	8,6		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD			5,9	2,4	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			5,9	2,4	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD			5,6	2,5	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			5,6	2,5	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD			6	2,6	8,6		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD			5,4	2,4	7,8		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			6	2,6	8,6		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD			5,7	2,4	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14153029	Hàng Lực	DH14CD			5,6	2,5	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			5,7	2,4	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD			5,9	2,4	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14138072	Nguyễn Vũ Nguyên	DH14TD			5,7	2,4		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD			5,7	2,4		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			5,7	2,4		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			5,6	2,5		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			6	2,6		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			5,9	2,4		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phạm Quang Thắng


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153004	Nguyễn Thanh Huy Bảo	DH14CD			6,6	2,3	8,9		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			6,3	1,8	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			6,2	1,9	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118132	Nguyễn Văn Tri Dương	DH14CK			4,9	2,3	7,2		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			6,2	2,3	8,5		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118166	Và Văn Hòa	DH14CK			6,2	2,3	8,5		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			6,2	2,3	8,5		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			6,2	1,9	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			6,6	2,3	8,9		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			6	2,3	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			6	2,3	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			6	2,3	8,3		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			6,1	2,6	8,7		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			6,2	1,9	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			5,9	1,9	7,8		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			6,1	2,6	8,7		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD			6,6	2,3	8,9		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			6,1	2,6	8,7		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			6,2	1,8		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			6,2	2,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			6,6	2,3		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD			6,6	2,3		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14118312	Hà Thành Vị	DH14CK			6,1	2,6		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			5,9	1,9		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK						V	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm tđ
1	15138002	Bùi Thị Vân Anh	DH15TD			6,2	2,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	15138005	Dương Vũ Bình	DH15TD						V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD			6,2	2,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	15138013	Phạm Thánh Đạt	DH15TD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD			6,3	2,3		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	15138014	Trương Công Định	DH15TD			6,2	2,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12153174	Nguyễn Khắc Hòa	DH12CD			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15138029	Đào Hữu Huynh	DH15TD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			6,3	2,3		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			5,8	2		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15138035	Phạm Hồng Linh	DH15TD			6,2	2,4		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			6,3	2,3		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD			6,2	2,5		8,7	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			6	2,3		8,3	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			5,6	2,5		8,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			5,6	2,5		8,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DH15TD			6,3	2,3		8,6	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			5,6	2,5		8,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			5,6	0		5,6	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			5,8	2		7,8	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			4,4	2,2		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			4,8	2		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD			5	1,9		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			4,9	2,8		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			5,5	2,5		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			6,4	2,8		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD			5,2	1,8		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			4,8	2,4		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD			5,2	2,6		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			5,2	2,8		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD			6,7	2,8		9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			6	2		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD			4,9	2,4		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14153029	Hàng Lực	DH14CD			5	2		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD			5	2,8		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD			5,5	2		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			5,6	2,6		8,2	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD			4,9	2,6		7,5	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14153117	Phạm Quốc Sợ	DH14CD			5,6	2,4		8,0	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	④①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			5,3	2,6		7,9	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD			5,2	2,3		7,5	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			5,7	2,6		8,3	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cần hỗ trợ thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thang

N. V. Kiệp

NT P-Thao

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm tẻ
1	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			5,5	2,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			5,7	2,4		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			5,6	1,9		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
5	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			4,6	1,8		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC						V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			5	2,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			4,8	2,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH14OT						V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			5,2	2,3		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
11	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			5,6	1,8		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			6	2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			5,6	1,9		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
15	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			5,2	2,9		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD						V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			5,2	2,6		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			5,6	2,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15137050	Phan Minh Thám	DH15NL			4,6	2,6		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			5,9	2,2		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①④②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15137065	Lê Trung	DH15NL			5,9	2,4		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			5	2		7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			6	2,3		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			4,9	2		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			5	2,5		7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thang

N.T.P. Thiệp
N.T.P. Thiệp

N.T.P. Thảo
N.T.P. Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 12

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm tđ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			5,2	2,2		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			5,9	2,3		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			4,7	1,8		6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			5,9	2,2		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			4,7	2		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			5	2,2		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			4,7	1,6		6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15137013	Nguyễn Trương Giang	DH15NL			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			4,8	2,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			5,6	1,9		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			5,5	2,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			4,8	1,9		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			6,2	1,8		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			5,5	2,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			4,6	2,4		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 12

CBGD; Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			6	1,9		7,8	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			5,7	2,2		7,9	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
21	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			5,5	2		7,5	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD			5,5	2,2		7,7	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			5,3	1,9		7,2	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			5,7	2,2		7,9	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC						V	●⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			5,7	1,9		7,6	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thang

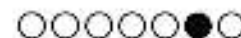
N. V. Kiep

nyllh
NTP Thac

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Điểm				Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
						D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết		
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		10	6,5	4	6,1	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	Anh		9,5	6,5	4,5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118004	Đổng Văn Bảo	DH14CK	Bao		7	6	3,5	5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	Binh		4	6	3,5	4,3	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK	Chau		9	9	3,5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	Chau		5,5	6	6	5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	Chien		9,5	4,5	5,5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC	Con		9	9	4,5	6,8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	Duy		8,5	8,5	6,5	7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	Duy		7	8,5	7	7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118132	Nguyễn Vũ Trí Dương	DH14CK	Duong		9	5,5	5,5	6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC	Dam		8,5	8,5	5,5	7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	Dat		10	7,5	4	6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	Dat		9	9	6,5	7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	Dat		10	9	3,5	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03050



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			9,5	7,5	7	7,8	0001234567890	0123456789
17	14118141	Trần Văn Điệp	DH14CK			9,5	8	6,5	7,6	0001234567890	0123456789
18	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			6,5	6,5	4,5	5,5	0001234567890	0123456789
19	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			10	6	5,5	6,8	0001234567890	0123456789
20	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			9,5	5	3	5,1	0001234567890	0123456789
21	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			10	9	8	8,8	0001234567890	0123456789
22	13138074	Kiểu Việt Hiệp	DH13TD						✓	0001234567890	0123456789
23	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			9,5	8	6,5	7,6	0001234567890	0123456789
24	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			9	6	4	5,8	0001234567890	0123456789
25	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL			8	7	4,5	6,0	0001234567890	0123456789
26	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			10	7,5	4	6,4	0001234567890	0123456789
27	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			9	8,5	3,5	6,1	0001234567890	0123456789
28	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			9	5	5,5	6,3	0001234567890	0123456789
29	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			10	6,5	6,5	7,4	0001234567890	0123456789
30	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC			10	0	5	5,0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03050



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ. Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			10	6	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
32	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			10	6	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
33	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC			9,5	5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
34	14118193	Trần Như Long	DH14CC			9	8,5	5	6,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 33 Số sinh viên vắng: 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 NH Đăng

 Cao Đức Lợi

TS. Bùi Ngọc Hùng

 Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH14NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			9,5	6	5	6,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			6,5	6,5	4	5,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			9	6,5	3	5,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118208	Vô Tấn Nguyên	DH14CC			10	5	5,5	6,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC			9	7,5	5	6,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	14137051	Nguyễn Hữu Nhật	DH14NL			6,5	0	3,5	3,4	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			9	8,5	8	8,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL			5,5	8	3	4,9	○ ⑩ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
9	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			9,5	8,5	4,5	6,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			7	5	1	3,5	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			9	3,5	2	4,1	○ ⑩ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			9	5	4,5	5,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			5	8,5	2,5	4,6	○ ⑩ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			9	4,5	1	3,9	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
15	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			10	8,5	5	7,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03051



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH14NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			8,5	9	4,5	6,6	0012345678910	0123456789
17	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			9,5	5	3	5,1	0012345678910	0123456789
18	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			9,5	3	2	4,1	0012345678910	0123456789
19	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			9	6,5	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
20	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			9	7,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC	✓					✓	0012345678910	0123456789
22	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			9,5	9	6	7,6	0012345678910	0123456789
23	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			7	6	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
24	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			9	6	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
25	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			9	7,5	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
26	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			7	6,5	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
27	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			9,5	4	5	5,9	0012345678910	0123456789
28	14137083	Vũ Quốc Tinh	DH14NL			6,5	6,5	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
29	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DH14CC			9	5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
30	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			9,5	8	6,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03051



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH14NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ. Số 50	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118080	Cao Văn Trinh	DH14CC			10	6,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
32	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL			5	4,5	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
33	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	DH14CC		9	6	4	5,8	0012345678910	0123456789
34	13137158	Nguyễn Minh	Tú	DH13NL		6	6	3	4,5	0012345678910	0123456789
35	14118296	Nguyễn Duy	Tuấn	DH14CC						0012345678910	0123456789
36	14118319	Lê Anh	Tuấn	DH14CC		8,5	9	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
37	14118089	Nguyễn Nhật	Tuyên	DH14CC		9	6,5	5	6,4	0012345678910	0123456789
38	14137091	Phạm Đức	Tuyên	DH14NL		7	6,5	3	4,9	0012345678910	0123456789
39	15118132	Phạm Thế	Vinh	DH15CK		9	6	5	6,3	0012345678910	0123456789
40	14118310	Trần Hữu	Vinh	DH14CC		10	8,5	6	7,6	0012345678910	0123456789
41	14118094	Lê Minh	Vô	DH14CC		9,5	8,5	6	7,5	0012345678910	0123456789
42	14137097	Lê Hoàng	Vũ	DH14NL		6,5	6	2	4,1	0012345678910	0123456789
43	14118095	Nguyễn Quốc	Vương	DH14CK		9	6	4	5,8	0012345678910	0123456789
44	14137100	Huỳnh Nhật	Vy	DH14NE		4	6,5	4,5	4,9	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001 DH14TD 02

Sở Tm Ct 2

Ngày Thi: 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

1.00

DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			1,5	8,5	3	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			10	6	3	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			9,5	7	4	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118116	Trương Chiến	DH14CK			9,5	8,5	4	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD			9,5	4	5	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	13137029	Lê A Đăng	DH13NL			3,5	6	2	3,4	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD			6,5	0	4	3,6	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL			9	8,5	4,5	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			7,5	8,5	3,5	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			5,5	8,5	2,5	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15138009	Huỳnh Tuấn Đặng	DH15TD			7,5	8,5	4,5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			7,5	7	4	5,6	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			9	8,5	6,5	7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			9	8	4,5	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03052



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14TD_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118025	Lê Quang	Hiền	DH14CK		9,5	5,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
17	14138051	Lê Văn	Hiếu	DH14TD		10	7	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
18	14118026	Nguyễn Đức	Hiếu	DH14CK		9,5	7	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
19	14137037	Nguyễn Thanh	Hiếu	DH14NL		7	0	1	2,3	0012345678910	0123456789
20	14118167	Nguyễn Văn	Hóa	DH14CC		9	8,5	5	6,9	0012345678910	0123456789
21	13138079	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	DH13TD		7	8,5	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
22	14118030	Nguyễn Đức	Huy	DH14CK		7	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
23	14138057	Nguyễn Triều	Khang	DH14TD		8,5	6	2	4,6	0012345678910	0123456789
24	12138126	Nguyễn Duy	Khương	DH12TD					✓	0012345678910	0123456789
25	13137081	Vũ Đình Nguyên	Khương	DH13NL		8,5	8,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
26	14118189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH14CK		9,5	8,5	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
27	14118191	Trần Hoài	Linh	DH14CK		9	6,5	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
28	14118192	Lê Thành	Long	DH14CK		9,5	7,5	5	6,8	0012345678910	0123456789
29	13138116	Vô Tấn	Lý	DH13TD		7	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
30	13137087	Bùi Phú Hoàng	Nam	DH13NL		9	8	1,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03052



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			9,5	5,5	3	5,3	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD			7	6,5	4	5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
48	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD			5,5	8,5	4	5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
49	13137130	Lương Tấn Thanh	DH13NL			10	8	6	7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
50	13138201	Văn Thiên Thông	DH13TD			4	8,5	2	4,1	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			9	5,5	4,5	5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
52	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL			5,5	8,5	4,5	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
53	14118266	Phan Minh Thọ	DH14CK			9	5	4,5	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
54	13137140	Nguyễn Vĩnh Thuận	DH13NL						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			9	6	4,5	6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	14138032	Lâm Văn Tiến	DH14TD			9	4,5	5,5	6,1	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	13137146	Đình Thanh Toàn	DH13NL			10	3,5	3,5	5,1	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14138034	Nguyễn Minh Trí	DH14TD			10	8,5	2,5	5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
59	14138106	Nguyễn Trọng Trí	DH14TD			9	7	3,5	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
60	13137152	Trần Anh Trí	DH13NL			8,5	8	3	5,6	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03052



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14TD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

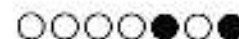
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC	<i>Nam</i>		8,5	5,5	7	7,0	001234567890	0123456789
32	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD	<i>Ngũ</i>		9,5	8,5	4	6,5	001234567890	0123456789
33	12138123	Nguyễn Tấn Nghiễm	DH12TD	<i>T</i>		8	9	4,5	6,5	001234567890	0123456789
34	13137096	Lưu Thiện Ngón	DH13NL	<i>N</i>		10	5,5	3	5,4	001234567890	0123456789
35	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL	<i>Đ</i>		7,5	5,5	1	3,8	001234567890	0123456789
36	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD	<i>nhật</i>		8	5	2	4,3	001234567890	0123456789
37	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK	<i>nhật</i>		7	7	5	6	001234567890	0123456789
38	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC	<i>Phát</i>		9	6	4	5,8	001234567890	0123456789
39	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC	<i>Phát</i>		9,5	8,5	3,5	6,3	001234567890	0123456789
40	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	<i>Phong</i>		4	8,5	3,5	4,9	001234567890	0123456789
41	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD	<i>Phúc</i>		6,5	6,5	5	5,8	001234567890	0123456789
42	14138025	Lê Ngọc Phước	DH14TD	<i>Phước</i>		3,5	6	1	2,9	001234567890	0123456789
43	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	<i>Phu</i>		6,5	5,5	1,5	3,8	001234567890	0123456789
44	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD						✓	001234567890	0123456789
45	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK						✓	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03052



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH14TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền			10	6,5	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
62	13118324	Phạm Ngọc	Truyền			4,5	8,5	3	4,8	0012345678910	0123456789
63	14118294	Nguyễn Phi	Trường			9	5,5	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
64	13137157	Đoàn Nhật	Tú			8,5	8,5	5	6,8	0012345678910	0123456789
65	14118087	Nguyễn Minh	Tuấn			9,5	8,5	5	7,0	0012345678910	0123456789
66	14137089	Đinh Như	Tuấn						✓	0012345678910	0123456789
67	14138113	Trịnh Châu	Từ			8,5	8,5	2	5,3	0012345678910	0123456789
68	14118312	Hà Thành	Vị			9,5	8,5	7	8,0	0012345678910	0123456789
69	14118322	Nguyễn Duy	Xuân			10	8	4,5	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 63. Số sinh viên vắng: 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Truyền nhiệt và TB trao đổi (207224) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Xuân

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC							0012345678910	0123456789
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	<i>[Signature]</i>			3,2	3	6,2	0012345678910	0123456789
3	13118074	Vô Đặng Phạm Anh	DH13CC	<i>[Signature]</i>			2	4	6	0012345678910	0123456789
4	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC	<i>[Signature]</i>			2,4	4	6,4	0012345678910	0123456789
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	<i>[Signature]</i>			3,2	3	6,2	0012345678910	0123456789
6	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC	<i>[Signature]</i>				3,5	3,5	0012345678910	0123456789
7	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2,4	4	6,4	0012345678910	0123456789
8	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2,8	5,5	8,3	0012345678910	0123456789
9	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2	3	5	0012345678910	0123456789
10	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
11	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC	<i>[Signature]</i>			3,2	3	6,2	0012345678910	0123456789
12	13118109	Phạm Đại	DH13CC	<i>[Signature]</i>			2	3	5	0012345678910	0123456789
13	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC	<i>[Signature]</i>			1,6	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
14	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	<i>[Signature]</i>			3,6	4	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03057



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Truyền nhiệt và TB trao đổi (207224) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Xuân

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118148	Cao Thanh	Giang	DH14CC			3,2	4,5	7,7	0012345678910	0123456789
17	14118149	Hà Văn	Giao	DH14CC			2,4	6	8,4	0012345678910	0123456789
18	14118021	Đỗ Kỳ	Hà	DH14CC			3,2	4,5	7,7	0012345678910	0123456789
19	13118126	Lê Xuân	Hà	DH13CC			2,4	6	8,4	0012345678910	0123456789
20	12118033	Đỗ Văn	Hải	DH12CC			2	4	6	0012345678910	0123456789
21	14118154	Lê Duẩn	Hào	DH14CC			2,8	6	8,8	0012345678910	0123456789
22	14118160	Võ Đức	Hiệp	DH14CC			3,2	2,5	5,7	0012345678910	0123456789
23	13118138	Nguyễn Văn	Hiếu	DH13CC			2,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
24	13118146	Nguyễn Quốc	Hòa	DH13CC			2,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
25	14118167	Nguyễn Văn	Hòa	DH14CC			2,4	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
26	13118019	Vũ Xuân	Hoàng	DH13CC			2	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	14118029	Đào Văn	Huy	DH14CC			2,8	2	4,8	0012345678910	0123456789
28	14118031	Nguyễn Trường	Huy	DH14CC			2	4	6	0012345678910	0123456789
29	14118178	Trần Ngọc	Hưng	DH14CC			2	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
30	14118036	Nguyễn Thành	Lê	DH14CC			2,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03057



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Truyền nhiệt và TB trao đổi (207224) - 001_DHI4CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Xuân

Lớp

DHI4CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118037	Trần Đình Hải Long	DHI4CC				2,8	5,5	8,3	001234567890	0123456789
32	14118193	Trần Như Long	DHI4CC				2,8	3,5	6,3	001234567890	0123456789
33	14118040	Hoàng Vương Nam	DHI4CC				2,4	5	7,4	001234567890	0123456789
34	14118206	Lê Từ Nguyên	DHI4CC				2,8	2	4,8	001234567890	0123456789
35	14118208	Võ Tấn Nguyên	DHI4CC				2,4	4	6,4	001234567890	0123456789
36	14118045	Trần Trọng Nhân	DHI4CC				3,6	3,5	7,1	001234567890	0123456789
37	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DHI4CC				2,8	4	6,8	001234567890	0123456789
38	13118227	Phan Văn Nhật	DHI3CC				2,4	4,5	6,9	001234567890	0123456789
39	14118048	Bùi Hoàng Phong	DHI4CC				2,4	2	4,4	001234567890	0123456789
40	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DHI4CC				2,8	3	5,8	001234567890	0123456789
41	14118228	Trần Hữu Phước	DHI4CC				2,4	4,5	6,9	001234567890	0123456789
42	14118222	Nguyễn Thành Phương	DHI4CC				2,8	1,5	4,3	001234567890	0123456789
43	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DHI4CC				2,4	3	5,4	001234567890	0123456789
44	14118059	Lê Văn Quyền	DHI4CC				3,2	2,5	5,7	001234567890	0123456789
45	13118250	Bạch Đình Quyết	DHI3CC				2,8	2,5	5,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03057



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Truyền nhiệt và TB trao đổi (207224) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Xuân

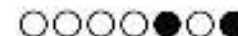
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC				2,8	3,5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC				2,8	4	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
48	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC				2,4	4	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
49	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC				2,8	5	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
50	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC				2	2,5	4,5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
51	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC				2,8	1,5	4,3	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC				2,4	3,5	5,9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
53	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC				3,2	5	8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC				2,8	5,5	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
55	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC					3	3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC				3,2	4,5	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
57	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC				2,8	5,5	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC				2,8	5	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
59	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC				2,8	5	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
60	13118319	Nguyễn Huy	DH13CC							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03057



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Truyền nhiệt và TB trao đổi (207224) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Xuân

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13118324	Phạm Ngọc	Truyền	DH13CC				1,5	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14118296	Nguyễn Duy	Tuấn	DH14CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	14118319	Lê Anh	Tuấn	DH14CC			3,6	3,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13118338	Phạm Minh	Tuấn	DH13CC			2	3	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	14118089	Nguyễn Nhật	Tuyền	DH14CC			2,7	3,5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13118349	Dương Đức	Vinh	DH13CC			3,2	5,5	8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	14118310	Trần Hữu	Vinh	DH14CC			4	6	10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	14118094	Lê Minh	Võ	DH14CC			3,6	3,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12118106	Phạm Vinh	Vũ	DH12CC			2,8		2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 02. Số sinh viên vắng: 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Thanh Duy

 Lê Khắc Quý

 Đặng Xuân Dũng

 Nguyễn Văn Xuân

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật (207300) - KH1_DH15CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Đặng Hữu Đông

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			1,8	1,2	3,4	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			1,4	0,3	1,7	3,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118002	Phan Huỳnh Ân	DH15CK						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			1,2	0,3	0,5	2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			1,2	0,3	0,9	2,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			1,4	0,9	2,2	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	11153018	Đinh Phúc Đại	DH11CD			1,4	0,4	1,5	3,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			1,4	0,5	2,3	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118109	Phạm Đại	DH13CC			1,2	0,9	2,1	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138014	Trương Công Định	DH15TD			1,6	1,4	1,3	4,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			1,4	0,5	1,3	3,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118033	Đào Trung Hiếu	DH15CC						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	10138059	Lê Văn Hùng	DH10TD						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12118042	Nguyễn Dương Hoàng Huy	DH12CC			1,6	0,5	1,9	4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03058



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH15CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D. Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC	<i>Khánh</i>		1,4	0,3	0,4	2,1	0010234567890	0023456789
17	15118045	Du Đức Anh	DH15CK	<i>Đức Anh</i>		1,4	0,3	0,7	2,4	0010234567890	0023456789
18	15153035	Vô Văn Long	DH15CD						/	0010234567890	0023456789
19	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC	<i>Lợi</i>		1,2	0,5	1	2,7	0010234567890	0023456789
20	15153039	Hồ Thị Thủy	DH15CD	<i>Thủy</i>		1,6	0,7	1,7	4	0010234567890	0023456789
21	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD	<i>Ngọc</i>		1,8	0,6	1,6	4	0010234567890	0023456789
22	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC	<i>Minh Nhật</i>		1,6	0,4	1,5	3,5	0010234567890	0023456789
23	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC	<i>Thanh Phong</i>		1,4	0,4	2,2	4	0010234567890	0023456789
24	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD	<i>Phạm</i>		1,8	0,8	2	4,6	0010234567890	0023456789
25	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL	<i>Phạm</i>		1,6	0,7	2,2	4,5	0010234567890	0023456789
26	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT	<i>Thiên</i>		1,6	0,7	1,7	4	0010234567890	0023456789
27	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC	<i>Hồng Tiến</i>		1,4	0,4	2,6	4,4	0010234567890	0023456789
28	13118056	Vô Đức Tiến	DH13CC	<i>Đức Tiến</i>		1,4	0,6	2	4	0010234567890	0023456789
29	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC	<i>Trung Tinh</i>		1,6	0,6	2,9	5,1	0010234567890	0023456789
30	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC	<i>Hữu Trán</i>		1,4	0,5	3,2	5,1	0010234567890	0023456789



Mã nhận dạng 03058



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH15CK_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ3 20%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118119	Nguyễn Đức Trọng	DH15CK						/	0012345678910	0123456789
32	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			1,2	0,5	1,4	3,1	0012345678910	0123456789
33	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			1,2	0,8	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
34	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			1,8	1,5	4,6	7,9	0012345678910	0123456789
35	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,2	0,4	1,4	3	0012345678910	0123456789
36	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			1,2	0,7	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
37	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			1,4	0,3	2,3	4	0012345678910	0123456789
38	15118138	Hồ Sỹ Ý	DH15CK						/	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Đặng Hữu Dũng

 Lê Khắc An

 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 Đặng Hữu Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD202 Giảng viên: Đặng Hữu Đông

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 2,0 %	D2 2,0 %	D.Số 6,0	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			1,6	1,1	2	4,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
2	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			1,2	0,5	3	4,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
3	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL						/	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
4	15118004	Nguyễn Lê Bảo	DH15CK						/	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
5	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD			1,4	0,3	1	2,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
6	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			0,8	0,6	1,2	2,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
7	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			1,2	0,4	0,7	2,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
8	15138009	Huỳnh Tuấn Đặng	DH15TD			1,8	1,3	3,3	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
9	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			1,4	0,6	2,7	4,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
10	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			1,6	0,5	0,9	3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
11	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD			1,6	0,5	1,4	3,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
12	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD			1,4	0,4	1,3	3,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
13	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD			1,6	0,3	3	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
14	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			1,6	0,7	2,4	4,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●
15	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			1,8	1,3	4,1	7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ● ● ● ● ○ ○ ● ●



Mã nhận dạng 03059



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Anh văn kỹ thuật (207340) - 001_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD202 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			1,2	0,2	1	2,4	0012345678910	0123456789
17	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			1,2	0,6	2,3	4,1	0012345678910	0123456789
18	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			1,4	0,8	2	4,2	0012345678910	0123456789
19	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK						/	0012345678910	0123456789
20	15138043	Trần Thánh Nghĩa	DH15TD			1,2	0,2	1,2	2,6	0012345678910	0123456789
21	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL						CT	0012345678910	0123456789
22	15118075	Nguyễn Thành Nhân	DH15CK						/	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 12. Số sinh viên vắng: 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thành Dũng

Phạm Quang Thắng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Đặng Hữu Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật (207300) - 002_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Đặng Hữu Đông

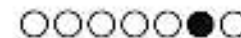
Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD			1,2	0,5	2,5	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			1,6	1,4	3,9	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD			1,6	0,8	2,9	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	09153068	Lê Hoài Phong	DH09CD17			0,8	0,7	2,5	4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT			1,2	0,9	3,1	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL			1,4	0,5	2,3	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			1,4	1	3,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			1,2	0,7	1	2,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD			1,4	1,6	4	7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD			1,6	1,3	2,4	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			1,4	0,3	0,5	2,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			0,8	0,7	0,9	2,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15118115	Vô Minh Trí	DH15CK			1,4	0,6	1,6	3,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			1,6	0,5	1,9	4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC						CT	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03060



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật (207300) - 002_DH15CK_02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22%	Đ2 22%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138109	Nguyễn Thái	Trưởng			1,2	0,7	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
17	13137157	Doãn Nhật	Tủ			1,4	0,8	1,8	4	0012345678910	0123456789
18	13137158	Nguyễn Minh	Tủ						CT	0012345678910	0123456789
19	13118347	Mai Hoài	Tự			1,6	0,7	1	3,3	0012345678910	0123456789
20	14118093	Trần Phước	Vinh			1,4	0,6	2,5	4,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 20 Số sinh viên vắng: 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Ngô Văn Ngọc Thạch

 Lê Văn Tuấn

 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 Đặng Hữu Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH14CK_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi: **08/06/2017**

Giờ Thi: **07:00**

Phòng Thi: **TV302**

Giảng viên: **Vô Văn Thừa**

Lớp: **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		0	0	3,0	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118004	Dũng Văn Bảo	DH14CK	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK	Cảnh		1,0	1,0	6,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	Cường		1,0	0,5	7,0	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118008	Nguyễn Hoài Anh Duy	DH13CK	Duy		1,0	1,0	7,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK	Duy		1,0	0,5	5,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK	Dương						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK	Dương		1,0	0,5	1,0	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118134	Nguyễn Văn Dị	DH14CK	Dị		0,5	0,5	6,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK	Hải		1,0	1,0	5,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK	Hiếu		1,0	0,5	2,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118166	Vô Văn Hòa	DH14CK	Hòa		1,0	0,5	7,5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03064



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Võ Văn Thừa

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118168	Nguyễn Thái	Học	DH14CK		1,0	1,0	6,5	8,5	001234567890	0123456789
17	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI						001234567890	0123456789
18	13118161	Hoàng Phạm Thanh	Huỳnh	DH13CK		1,0	0,5	4,5	6,0	001234567890	0123456789
19	14118177	Phạm Ngọc	Hùng	DH14CK		1,0	0,5	1,0	2,5	001234567890	0123456789
20	13118169	Nguyễn Trọng	Hữu	DH13CK		1,0	1,0	2,0	4,0	001234567890	0123456789
21	13118181	Nguyễn Văn	Khánh	DH13CK		1,0	1,0	4,5	6,5	001234567890	0123456789
22	13118186	Đào Xuân	Khôi	DH13CK		1,0	0,5	5,0	6,5	001234567890	0123456789
23	14118188	Trần Nguyễn Phương	Khôi	DH14CK		1,0	0,5	7,0	8,5	001234567890	0123456789
24	14118189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH14CK		1,0	0,5	7,0	8,5	001234567890	0123456789
25	14118191	Trần Hoài	Linh	DH14CK		1,0	0,5	2,0	3,5	001234567890	0123456789
26	13334117	Nguyễn Công	Lạc	CD13CI		0,5	0,0	4,5	5,0	001234567890	0123456789
27	13118209	Đỗ Văn	Minh	DH13CK						001234567890	0123456789
28	14118198	Mai Văn	Minh	DH14CK		1,0	1,0	8,0	10,0	001234567890	0123456789
29	12344172	Trịnh Hữu	Nghĩa	CD12CI						001234567890	0123456789
30	13118221	Võ Văn	Nguyễn	DH13CK		0,5	0,0	0,5	1,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03064



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Câu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Võ Văn Thừa

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			0,5	0,0	1,0	1,5	00022345678910	0123456789
32	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			1,0	0,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
33	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			0,5	0,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
34	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			0,5	0,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
35	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK			1,0	0,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
36	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			1,0	0,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
37	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			1,0	1,0	8,0	10,0	0012345678910	0123456789
38	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK							0012345678910	0123456789
39	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK			0,5	0,5	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
40	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			0,5	0,5	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
41	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			0,5	0,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
42	12344197	Nguyễn Thành Tâm	CD12CI			1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
43	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK			0,5	0,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
44	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK			1,0	0,5	7,0	8,5	0012345678910	0123456789
45	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03064



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Võ Văn Thưa

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK			1,0	0,5	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
47	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			1,0	1,0	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
48	13334209	Phạm Thành Tiên	CD13CI							0012345678910	0123456789
49	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			0,5	0,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
50	12344137	Lê Hiếu Trung	CD12CI			1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
51	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			1,0	1,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
52	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
53	14118312	Hà Thành Vị	DH14CK			1,0	1,0	8,0	10,0	0012345678910	0123456789
54	13334244	Lê Quang Vinh	CD13CI							0012345678910	0123456789
55	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			0,5	0,5	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
56	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			0,5	0,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
57	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			1,0	1,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
58	13118359	Vũ Gia Vy	DH13CK			0,5	0,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118004	Đổng Văn Bảo	DH14CK				5	6,5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK				6	7	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK				7	7	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK				5	8	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK				5	7,5	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK				7	7,5	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK				8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK				9	8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118163	Lâm Thái Hùng	DH13CK				7	6,5	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK				6	6	6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK				5	6	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK				9	7	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK				5	7	6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK				9	6	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK				6	8,5	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK				5	6,5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK				6	7	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK				7	7,5	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm tđ
19	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK				9	7	8	○○○1234567890	0123456789
20	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI				7	7,5	7,3	○○○1234567890	0123456789
21	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK				8	6	7	○○○1234567890	0123456789
22	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK				7	6,5	6,8	○○○1234567890	0123456789
23	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK				9	6,5	7,8	○○○1234567890	0123456789
24	13334189	Đặng Tuấn Thi	CD13CI						✓	○○○1234567890	0123456789
25	13334209	Phạm Thành Tiên	CD13CI				0	5	2,5	○○○1234567890	0123456789
26	13334226	Đặng Trung	CD13CI						✓	○○○1234567890	0123456789
27	14118312	Hà Thành Vj	DH14CK				6	8	7	○○○1234567890	0123456789
28	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK				5	7,5	6,3	○○○1234567890	0123456789
29	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK				8	7,5	7,8	○○○1234567890	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Tấn Quốc

Phạm Duy Lam

Lê Khắc Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 05

CBGD: Lê Khỏe Quý (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK				7	7	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118071	Mai Công Anh	DH13CK				9	8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK				7	5	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK				6	5	5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK				6,5	4	5,3	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK				8	6	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK				✓	✓	✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK				9	7	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK				6	5	5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK				6	8	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK				9	5	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK				8	5	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK				7	3	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK				6,5	5	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	13334117	Nguyễn Công Lực	CD13CI				7,5	5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK				6	6	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK				6	6	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK				✓	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 05

CBGD: Lê Khỏe Qui (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK				6,5	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK				6	7	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK				8	5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK				✓	5	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI				7	6	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK				6	6	6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK				6,5	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nặc nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cân bộ cụm thi 2


Lê Khỏe Quý


Phạm Duy Lâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118071	Mai Công Anh	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
2	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			2	2	3	7	○○○12345678910	0123456789
3	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
4	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK			2	2	4	8	○○○12345678910	0123456789
5	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			2	2	6	10	○○○12345678910	0123456789
6	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			2	2	3	7	○○○12345678910	0123456789
7	14118025	Lê Quang Hiến	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
8	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			2	2	6	10	○○○12345678910	0123456789
9	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
10	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			2	2	3	7	○○○12345678910	0123456789
11	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			2	2	6	10	○○○12345678910	0123456789
12	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			2	2	4	8	○○○12345678910	0123456789
13	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
14	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678910	0123456789
15	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			2	2	3	7	○○○12345678910	0123456789
16	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK			2	2	6	10	○○○12345678910	0123456789
17	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			2	2	3	7	○○○12345678910	0123456789
18	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			2	2	4	8	○○○12345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			2	2	3	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334189	Đặng Tuấn Thi	CD13CI						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

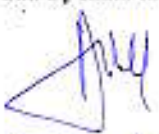
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Kiều Văn Đức


Kiều Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 05

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●○○○	●123456789
2	14118004	Đổng Văn Bảo	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●○○○	●123456789
3	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●○○○	●123456789
4	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●○○○	●123456789
5	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●89○○○	●123456789
6	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
7	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●89○○○	●123456789
8	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●89○○○	●123456789
9	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
10	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
11	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
12	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
13	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●89○○○	●123456789
14	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●89○○○	●123456789
15	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
16	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●89○○○	●123456789
17	14118062	Đồ Văn Tàu	DH14CK			2	2	5	9	○○○123456789●○○○	●123456789
18	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 05

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			2	2	3	7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vãng:

0

Hiện diện:

21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

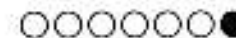
Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

Leit
Dinghies Dienst

hà Văn Đức



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Máy canh tác (207316) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi: 15/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi: TV101 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

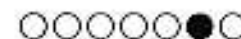
Lớp: DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK						/	0001234567890	00123456789
2	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			0,8	1,5	1,7	4	0001234567890	00123456789
3	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK						/	0001234567890	00123456789
4	13118008	Nguyễn Hoài Anh	DH13CK			0,9	2	2,1	5	0001234567890	00123456789
5	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK						/	0001234567890	00123456789
6	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK			0,7	1,8	3	5,5	0001234567890	00123456789
7	13118105	Trần Tùng	DH13CK						/	0001234567890	00123456789
8	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK			0,8	0,9	3,9	5,6	0001234567890	00123456789
9	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			0,8	1,7	2,1	4,6	0001234567890	00123456789
10	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK			0,8	1,4	3	5,2	0001234567890	00123456789
11	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			0,8	1,6	2,7	5,1	0001234567890	00123456789
12	13118140	Đặng Ngọc Hiệu	DH13CK			0,9	1,4	2,7	5	0001234567890	00123456789
13	13118163	Lâm Thái Hùng	DH13CK			0,8	1,6	2,7	5,1	0001234567890	00123456789
14	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK						/	0001234567890	00123456789
15	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			0,8	1,9	2,1	4,8	0001234567890	00123456789



Mã nhận dạng 03065



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy canh tác (207316) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV101 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

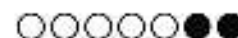
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 50%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK						/	001234567890	0123456789
17	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK	K		0,8	1,4	3	5,2	001234567890	0123456789
18	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK	Hu		0,8	0,9	3,3	5	001234567890	0123456789
19	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK	Lu		0,7	1,2	2,3	4,2	001234567890	0123456789
20	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK	Xu		0,8	1,2	3,5	5,5	001234567890	0123456789
21	13118199	Đào Huy Long	DH13CK	Hu		0,8	1,6	1,1	3,5	001234567890	0123456789
22	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK	Lo		0,8	1,3	3,3	5,4	001234567890	0123456789
23	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK	Lo		0,7	1,1	2,4	4,2	001234567890	0123456789
24	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK						/	001234567890	0123456789
25	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK	Ma		0,7	0,9	2,7	4,3	001234567890	0123456789
26	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK	Bu		0,8	1,4	3,6	5,8	001234567890	0123456789
27	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK	Do		0,6	0,2	1,5	2,3	001234567890	0123456789
28	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK						/	001234567890	0123456789
29	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK	Ph		0,7	1,7	2,7	5,1	001234567890	0123456789
30	13118221	Vô Văn Nguyên	DH13CK	Vo		0,5	1,1	0,9	2,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03065



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy cày tác (207316) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV101 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

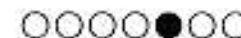
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK						/	0012345678910	0123456789
32	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK	Phi		0,8	1,4	2,4	4,6	0012345678910	0123456789
33	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK	Phi		0,7	1,2	0	1,9	0012345678910	0123456789
34	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK						/	0012345678910	0123456789
35	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK	Phu		0,8	1,1	3	4,9	0012345678910	0123456789
36	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK						/	0012345678910	0123456789
37	13118249	Tạ Văn Quyển	DH13CK	Quyển		0,8	2	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
38	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK	Quynh		0,7	0,9	3,6	5,2	0012345678910	0123456789
39	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK						/	0012345678910	0123456789
40	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK	Son		0,9	1,4	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
41	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK	Tai		0,5	1,4	0,6	2,5	0012345678910	0123456789
42	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK	Tan		0,8	1	3	4,8	0012345678910	0123456789
43	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK	Tha		0,8	0,8	3,6	5,2	0012345678910	0123456789
44	13118279	Trương Quang Thành	DH13CK	Tha		0,8	0,9	3	4,7	0012345678910	0123456789
45	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK	Tha		0,8	0,9	2,7	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03065



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy cày tức (207316) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV101 Giảng viên: Đặng Hữu Dũng

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK						/	0012345678910	0123456789
47	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			0,9	1,5	4,5	6,9	0012345678910	0123456789
48	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK			0,9	1,5	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
49	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK			0,5	1,6	1,9	4	0012345678910	0123456789
50	13118310	Bùi Thanh Triền	DH13CK			0,7	1,1	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
51	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK						/	0012345678910	0123456789
52	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			0,8	1,8	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
53	13118364	Trương Công Hoài Trung	DH13CK			0,9	2,3	4,8	8	0012345678910	0123456789
54	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK			0,7	1,7	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
55	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK			0,8	1,4	4,8	7	0012345678910	0123456789
56	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK			0,8	1,7	3,6	6,1	0012345678910	0123456789
57	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			0,7	1,1	5	4,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 57 Số sinh viên vắng: 1 (mười bảy)

Ngày 19 Tháng 06 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đặng Hữu Dũng

Lê Khắc Dân

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Đặng Hữu Dũng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Luận văn tốt nghiệp (207317) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118071	Mai Công Anh	DH13CK						7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118002	Dặng Ngọc ần	DH13CK						7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	③①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118010	Lê Tiến Đạt	DH13CK						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	②①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK						7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118135	Trần Tuấn Hiền	DH13CK						7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑦⑧⑨
8	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	②①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK						7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118147	Nguyễn Thái Hòa	DH13CK						7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118020	Nhữ Sợ Hùng	DH13CK						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK						6,6	○○○①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑦⑧⑨
13	13118176	Lê Đình Khá	DH13CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118174	Trương Chí Khang	DH13CK						7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK						7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK						7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK						7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Luận văn tốt nghiệp (207317) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK						7,6	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118218	Lê Vũ Trường Ngọc	DH13CK						7,4	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118232	Bùi Tấn Phong	DH13CK						8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK						8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DH13CK						8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK						8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13118259	Huỳnh Trọng Tài	DH13CK						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13118269	Vô Minh Tây	DH13CK						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13118275	Dặng Anh Thảo	DH13CK						7,8	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13118054	Doãn Văn Thới	DH13CK						6,8	○●①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13118291	Phạm Hữu Thường	DH13CK						7,0	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	13118307	Nguyễn Triệu Toàn	DH13CK						7,9	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13118312	Bạch Huy Trí	DH13CK						8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13118058	Lê Quang Trọng	DH13CK						7,6	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑦⑧⑨
34	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK						7,7	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑧⑨
35	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK						7,8	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK						7,9	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Luận văn tốt nghiệp (207317) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 __%	D2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DU13CK						8,2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13118343	Phạm Thanh Tùng	DU13CK						8,0	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: ☐

Hiện diện: 38

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán hồ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Bale
Nigeria May 2008


 Dr. Srey Kuan Diny

Võ Văn Thủa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118088	Nguyễn Hoài Anh	DH13CK	<i>[Signature]</i>					7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118097	Nguyễn Hoàng	DH13CK						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118104	Nguyễn Đông	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK	<i>[Signature]</i>					4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK	<i>[Signature]</i>					7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118015	Vũ Đình Hải	DH13CK	<i>[Signature]</i>					5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118133	Nguyễn Hoàng	DH13CK	<i>[Signature]</i>					5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118140	Đặng Ngọc	DH13CK	<i>[Signature]</i>					7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118163	Lâm Thái	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118159	Lưu Quốc	DH13CK						/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118161	Hoàng Phạm Thanh	DH13CK	<i>[Signature]</i>					4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118169	Nguyễn Trọng	DH13CK	<i>[Signature]</i>					2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118181	Nguyễn Văn	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118367	Huỳnh Đăng	DH13CK	<i>[Signature]</i>					6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13118021	Lương Phan Bá	DH13CK	<i>[Signature]</i>					5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118186	Đào Xuân	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118199	Đào Huy	DH13CK	<i>[Signature]</i>					3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

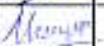
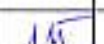
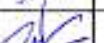
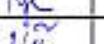
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK						6	○●○12345●789○	●123456789
20	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK						9	○●○123456789○	●123456789
21	13118204	Trương Thanh Lặc	DH13CK						/	●●○123456789○	○123456789
22	13118205	Nguyễn Bá Máy	DH13CK						5	○●○1234●6789○	●123456789
23	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK						4	○●○123●56789○	●123456789
24	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK						3	○●○12●3456789○	●123456789
25	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK						/	●●○123456789○	○123456789
26	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK						2	○●○1●3456789○	●123456789
27	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK						4	○●○123●56789○	●123456789
28	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK						3	○●○12●3456789○	●123456789
29	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK						/	●●○123456789○	○123456789
30	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK						4	○●○123●56789○	●123456789
31	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK						/	●●○123456789○	○123456789
32	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK						5	○●○12345●6789○	●123456789
33	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK						4	○●○123456789○	●123456789
34	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK						/	●●○123456789○	○123456789
35	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK						5	○●○1234●6789○	●123456789
36	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK						6	○●○12345●6789○	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tà điểm lẻ
37	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK						4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118279	Trương Quang Thanh	DH13CK						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK						/	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK						3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK						3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118310	Bùi Thanh Triền	DH13CK						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK						/	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK						3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118364	Trương Công Hoài	DH13CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK						4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK						4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK						2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK						5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi I

Cán bộ coi thi 2

Nặc nhân của thơ/bản thân

Cán bộ chấm thi :

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 21/05/2017 09:22

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

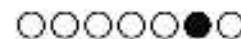
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		9	9		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118097	Trần Lâm An	DH14CK	Trần		10	8		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨●	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK	Do		10	9		9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK	Hồ		10	10		10,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK	Nguyễn		10	9		9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK	Trần		4	6		5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK	Đào		8	5		5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
8	14118007	Vũ Văn Cảnh	DH14CK	Vũ		9	9		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK	Nguyễn		4	7		6,1	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118116	Trương Chiến	DH14CK	Trương		10	9		9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK	Lê		9	9		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK	Nguyễn		7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	Nguyễn		5	10		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK	Nguyễn		7,7	8		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	14118132	Nguyễn Vũ Tri	DH14CK	Nguyễn		9	7		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03066



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm: Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Ngh]

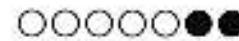
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			0	7		4,9	0012345678910	0123456789
17	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			10	6		7,2	0012345678910	0123456789
18	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			7	7		7,0	0012345678910	0123456789
19	14118025	Lê Quang Hiến	DH14CK			4,5	7		6,3	0012345678910	0123456789
20	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			8	5		5,9	0012345678910	0123456789
21	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			8	6		6,6	0012345678910	0123456789
22	14118166	Vô Văn Hòa	DH14CK			9	5		6,2	0012345678910	0123456789
23	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			9	9		9,0	0012345678910	0123456789
24	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			9	5		6,2	0012345678910	0123456789
25	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			10	5		6,5	0012345678910	0123456789
26	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			9,5	6		5,3	0012345678910	0123456789
27	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			10	7		7,9	0012345678910	0123456789
28	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			10	5		6,5	0012345678910	0123456789
29	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			10	8		8,6	0012345678910	0123456789
30	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			9,5	5		4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03066



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			7,5	7		7,2	0012345678910	0123456789
32	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			2,6	5		4,9	0012345678910	0123456789
33	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			9	6		6,9	0012345678910	0123456789
34	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			9	7		7,6	0012345678910	0123456789
35	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			4	8		6,8	0012345678910	0123456789
36	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			6,7	9		8,3	0012345678910	0123456789
37	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK			4,3	10		8,3	0012345678910	0123456789
38	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			8,5	6		6,8	0012345678910	0123456789
39	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK			3,4	8		6,6	0012345678910	0123456789
40	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			4,5	6		5,6	0012345678910	0123456789
41	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			4,5	7		6,3	0012345678910	0123456789
42	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			9,5	10		9,9	0012345678910	0123456789
43	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			4,5	6		5,6	0012345678910	0123456789
44	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			9	10		9,7	0012345678910	0123456789
45	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			8	9		8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03066



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			9	8		8,3	001234567890	0123456789
47	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			8	7		7,3	001234567890	0123456789
48	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK							001234567890	0123456789
49	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			7	7		7,0	001234567890	0123456789
50	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			8,5	8		6,7	001234567890	0123456789
51	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK			8	5		5,9	001234567890	0123456789
52	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			10	8		8,6	001234567890	0123456789
53	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			10	7		7,9	001234567890	0123456789
54	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			10	7		7,9	001234567890	0123456789
55	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			4	7		6,4	001234567890	0123456789
56	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			5	7		6,4	001234567890	0123456789
57	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			7	7		7,0	001234567890	0123456789
58	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK			5,7	5		5,2	001234567890	0123456789
59	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			4	9		7,5	001234567890	0123456789
60	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			8	7		7,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03066



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK			9	8		8,3	0012345678910	0123456789
62	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			7	9		8,4	0012345678910	0123456789
63	14118081	Lê Ngọc Đăng	Trình			9	10		9,7	0012345678910	0123456789
64	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK							0012345678910	0123456789
65	14118293	Lê Văn Trung	DH14CK			4,7	6		5,6	0012345678910	0123456789
66	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK			3,5	6		5,3	0012345678910	0123456789
67	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			9	7		7,6	0012345678910	0123456789
68	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			4	9		7,5	0012345678910	0123456789
69	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			8	5		5,9	0012345678910	0123456789
70	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			9	7		7,6	0012345678910	0123456789
71	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK			10	5		6,5	0012345678910	0123456789
72	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			0	8		5,6	0012345678910	0123456789
73	14118312	Hà Thành Vi	DH14CK			10	7		7,9	0012345678910	0123456789
74	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK			4	10		8,2	0012345678910	0123456789
75	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			5	9		7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03066



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ sở KT hệ thống canh tác (207322) - 001_DH14CK_01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 05/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
76	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			10	5		6,5	0012345678910	0123456789
77	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK							0012345678910	0123456789
78	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			4,5	9		7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghị

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Duy Xuân

Nguyễn Thanh Nghị

Nguyễn Thị Hoa